

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2025

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Ánh Nhạn
- Ông Nguyễn Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1981;

- Bị đơn: Anh Lâm Văn L1, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị L, anh L1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Lâm Văn L1 chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh L1 có quan hệ tình cảm với người khác, không còn quan tâm, thương yêu vợ con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ nhưng không thống nhất được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh L1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung là cháu Lâm Thị Bích T, sinh ngày 18/6/2006 và cháu Lâm Thị Bích V, sinh ngày 14/01/2009. Hiện các con chung đang sống với chị, cháu T đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lâm Văn L1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ăn thua lỗ, nợ tiền, kinh tế gia đình khó khăn. Anh buồn nên có quen với người phụ nữ khác, vợ chồng càng mâu thuẫn gay gắt. Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ nhưng không thống nhất được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, anh còn thương vợ, không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người con chung như chị L trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi cháu V, anh không cấp dưỡng. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên

Tòa trình bày:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, chị L được ly hôn với anh L1; giao cháu Lâm Thị Bích V, sinh ngày 14/01/2009 cho chị L nuôi dưỡng, anh L1 không cấp dưỡng nuôi con, cháu T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lâm Văn L1 chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh L1 thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L1 có quan hệ tình cảm với người khác, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị ly thân từ năm 2023 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân anh chị có gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ nhưng không thống nhất được, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, anh L1 không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 người là cháu Lâm Thị Bích T, sinh ngày 18/6/2006 và cháu Lâm Thị Bích V, sinh ngày 14/01/2009. Cháu T đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị L, anh L1 đồng ý giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu V cho chị L

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Lâm Văn L1. Chị L được ly hôn với anh L1.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thị Bích V, sinh ngày 14/01/2009 cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh L1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014493 ngày 10-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông (13/2005);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn